

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư lo ngại trước biến thể virus đột biến mới lan rộng tại Nam Phi

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở trước lo ngại rủi ro biến chủng covid mới

[Thông tin doanh nghiệp]

MSB, BID

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại trong danh mục, NĐT được khuyến nghị chỉ kê mua lại 1 phần tỷ trọng khi giá cổ phiếu mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ mạnh

26/11/2021

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,493.03 | -0.52 |
| VN30 | 1,566.55 | -0.38 |
| HĐTL VN30F1M | 1,556.70 | -0.63 |
| HNXIndex | 458.63 | -0.23 |
| HNX30 | 764.80 | -0.50 |
| UPCoM | 114.34 | -0.24 |
| USD/VND | 22,677 | -0.01 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.09 | +0 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.59 | +4 |
| Dầu (WTI, \$) | 74.18 | -5.37 |
| Vàng (LME, \$) | 1,802.53 | +0.76 |



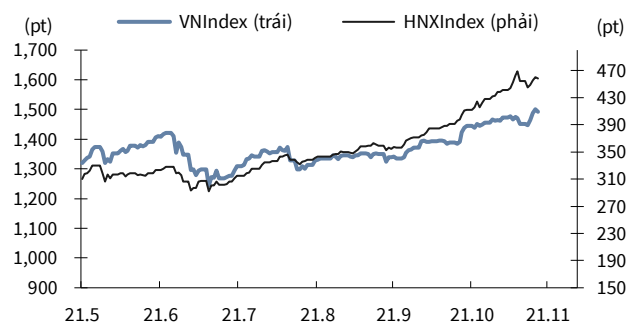
Điểm nhấn thị trường

| | |
|--------------------------|--------------------------|
| VNIndex | 1,493.03 (-0.52%) |
| KLGD (triệu CP) | 1,060.5 (+16.7%) |
| GTGD (triệu US\$) | 1,561.7 (+11.4%) |
| HNXIndex | 458.63 (-0.23%) |
| KLGD (triệu CP) | 150.2 (+19.0%) |
| GTGD (triệu US\$) | 163.2 (+18.4%) |
| UPCoM | 114.34 (-0.24%) |
| KLGD (triệu CP) | 210.7 (+115.5%) |
| GTGD (triệu US\$) | 112.8 (+27.5%) |

TTCK Việt Nam giảm điểm tương đồng với thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư lo ngại trước biến thể virus đột biến mới lan rộng tại Nam Phi. OPEC dự đoán Mỹ bán dầu từ kho dự trữ sẽ khiến giá dầu giảm khi thị trường thặng dư khoảng 1.1 triệu thùng/ngày, giá cổ phiếu ngành dầu khí giảm ở PVD (-5.2%), PVS (-3.1%). Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ TP HCM cho biết 2 tháng cuối năm xuất khẩu gỗ thường có kết quả khả quan và có thể đạt 1.2 tỷ USD mỗi tháng, giúp cổ phiếu ngành gỗ tăng ở GDT (+0.3%), VIF (+2.5%). S&P Global Platts cho biết giá thép thế giới giảm do bị ảnh hưởng nặng nề từ sự suy thoái trong lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc, giá cổ phiếu ngành thép giảm ở HPG (-0.4%). Khối ngoại bán ròng ở VPB (+3.2%), HPG (-0.4%), VND (-3.8%).

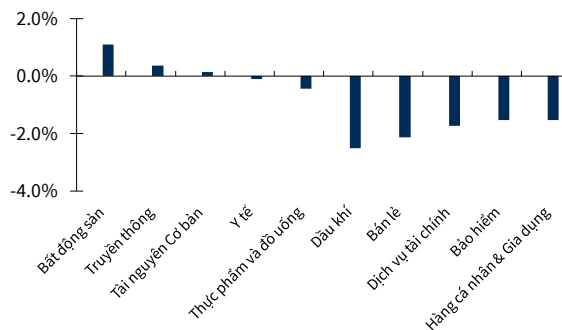
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -92.9

VNIndex & HNXIndex



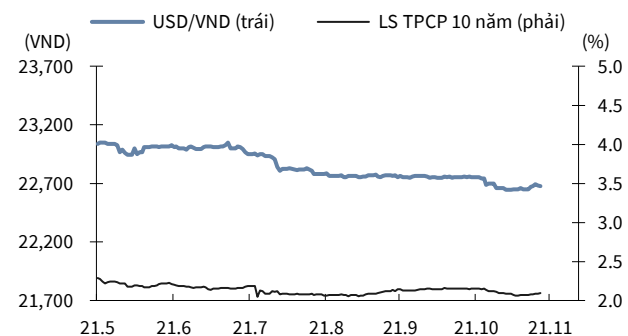
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



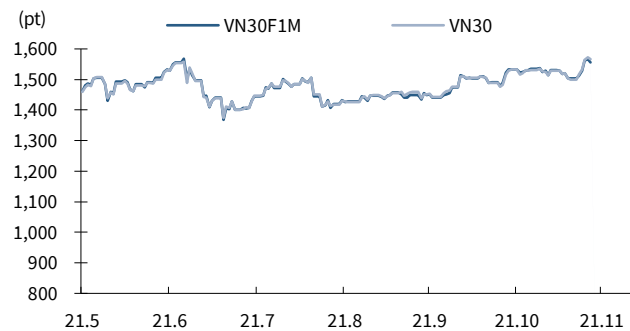
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,566.55 (-0.38%) |
| VN30F1M | 1,556.7 (-0.63%) |
| Mở cửa | 1,564.6 |
| Cao nhất | 1,577.0 |
| Thấp nhất | 1,553.0 |
| KLGD (HĐ) | 141,948 (+13.4%) |

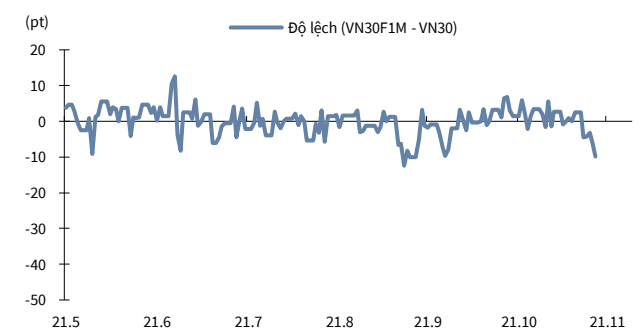
Các HĐTL giảm điểm vào cuối phiên, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở trước lo ngại rủi ro biến chủng covid mới. Chênh lệch F2111 và chỉ số VN30 tiếp tục biến động ở mức âm tuy nhiên mức chênh lệch mở rộng hơn so với các phiên liền trước quanh mức -10 điểm cho thấy tâm lý thận trọng hơn của bên mua, đóng cửa ở mức -9.85 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên với thanh khoản thị trường tăng.

HĐTL VN30F1M & VN30



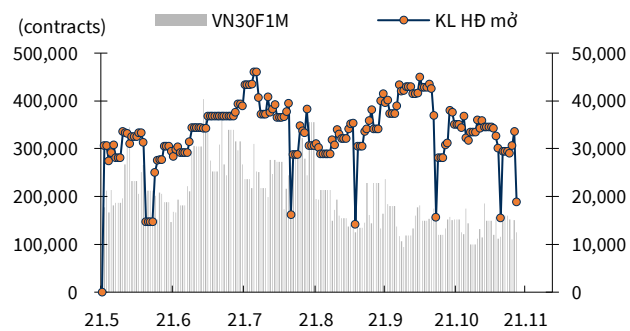
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



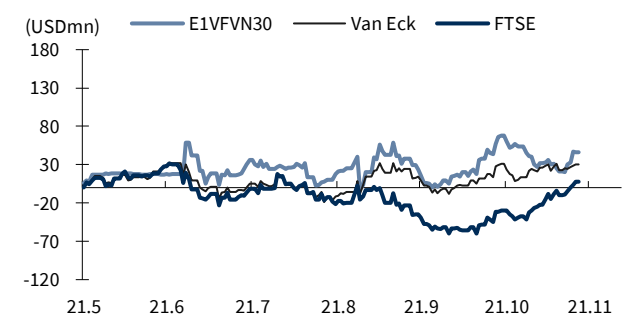
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

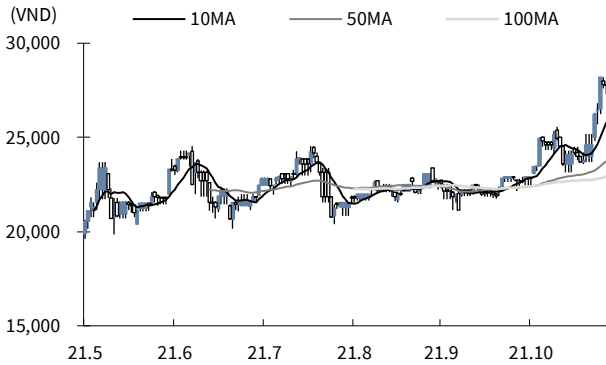
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam (MSB)

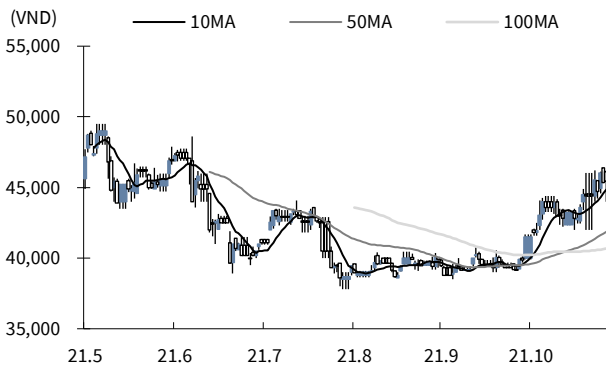


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSB giảm 0.2% lên 27,750 VND/cp

- Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ra quyết định số 1883/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung vốn điều lệ tại giấy phép thành lập và hoạt động của MSB, vốn điều lệ mới của ngân hàng tăng lên 15,275 tỷ đồng sau khi thực hiện chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu.

BIDV (BID)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BID tăng 0.2% lên 45,450 VND/cp

- BIDV lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc tăng vốn điều lệ thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu từ ngày 24/11 đến ngày 4/12. Ngân hàng trình kế hoạch phát hành tối đa gần 1,037 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến năm 2019 và lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ và chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020. Tỷ lệ phát hành dự kiến là 25.77%.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



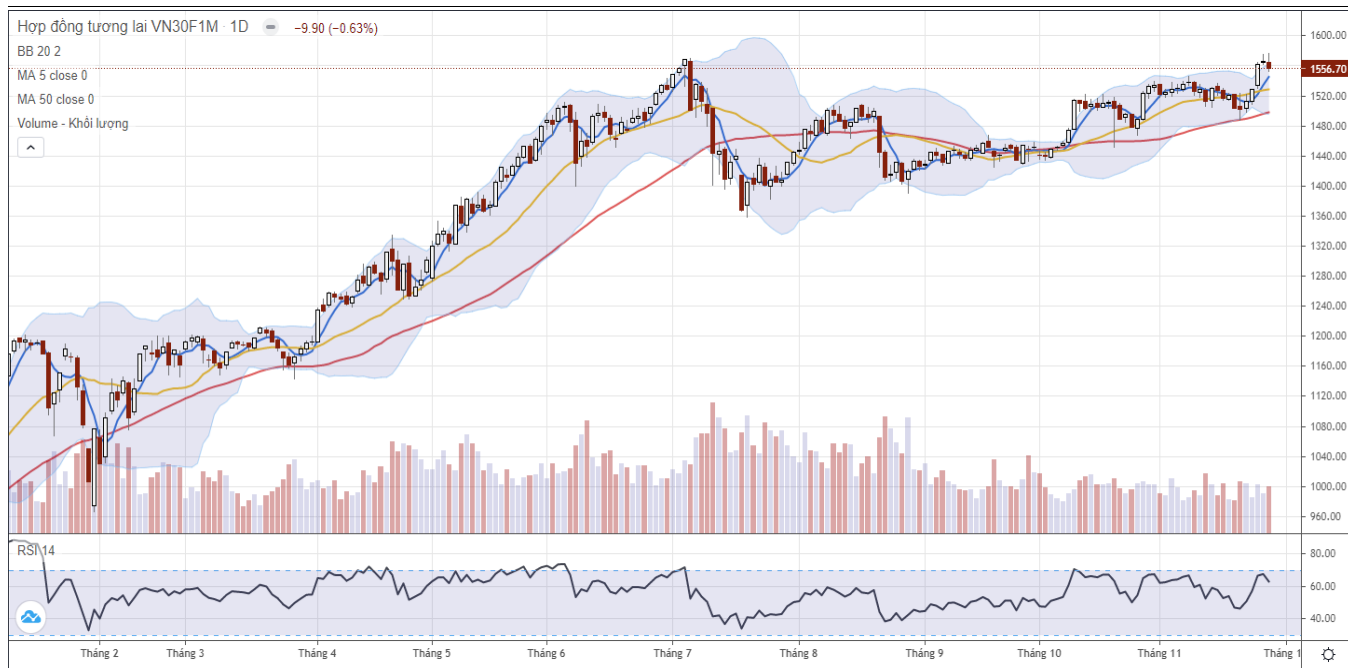
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục có nhịp tăng điểm đầu phiên trước khi đảo chiều và dần mở rộng đà giảm về cuối phiên.
- Vùng cản tâm lý quanh 1500 tiếp tục gây sức ép cho thị trường đặc biệt trong bối cảnh đà tăng điểm không được hậu thuẫn bởi sự gia tăng tương ứng của khối lượng giao dịch. Áp lực chốt lời sau nhịp tăng mạnh cùng với việc hình thành mẫu nến engulfing tiêu cực khiến chỉ số đang phải đối mặt với rủi ro mở rộng thêm nhịp điều chỉnh trong những phiên tới, xuống vùng hỗ trợ gần quanh 1480 và sâu hơn là 1460.
- Sau khi tạm đóng các vị thế ngắn hạn còn lại trong danh mục, NĐT được khuyến nghị chỉ kê mua lại 1 phần tỷ trọng khi giá cổ phiếu mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ mạnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1568 - 1571

Kháng cự gần: 1563 - 1565

Hỗ trợ gần: 1549 - 1552

Hỗ trợ xa: 1533 - 1538

- Sau nỗ lực vượt đỉnh bất thành vào đầu phiên, F1 dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Vùng đỉnh lịch sử quanh 1570 tiếp tục gây sức ép lên đà tăng điểm của chỉ số. Áp lực bán sau nhịp tăng mạnh cùng với việc hình thành mẫu nến engulfing tiêu cực khiến F1 đang phải đối mặt với rủi ro mở rộng thêm nhịp điều chỉnh trong những phiên tới, xuống vùng hỗ trợ gần quanh 1550 và sâu hơn là 1530.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài sau khi đã chốt lời các vị thế Long còn lại.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

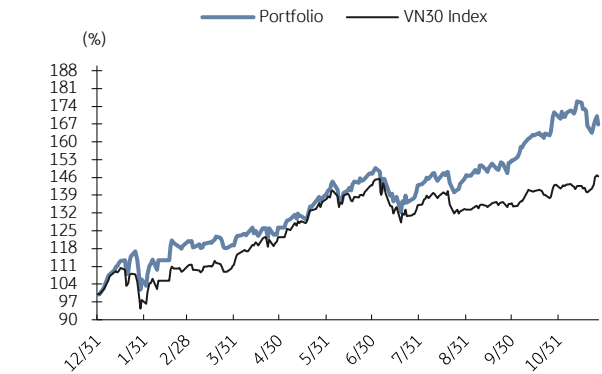
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -0.38% | -1.85% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 46.30% | 66.89% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 26/11/2021 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 141,500 | -2.4% | 83.1% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 55,400 | -2.8% | 150.4% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 101,500 | -2.5% | 32.4% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tan Uyen (NTC) | 11/11/2021 | 191,500 | -2.3% | -0.3% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 67,000 | 0.1% | 97.1% | - Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 98,900 | -1.1% | 239.7% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 34,300 | -2.4% | 81.4% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 102,000 | -1.8% | 39.0% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 49,050 | -0.4% | 238.9% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbac City Development (KBC) | 09/03/2020 | 48,250 | -2.9% | 252.2% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VNM | 0.9% | 54.5% | 50.2 |
| LPB | -2.3% | 3.9% | 23.4 |
| DCM | 3.1% | 4.9% | 22.3 |
| BID | 0.2% | 16.7% | 19.5 |
| KDH | -0.8% | 31.2% | 16.1 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VPB | 3.2% | 15.3% | -563.0 |
| HPG | -0.4% | 24.6% | -145.8 |
| VND | -3.8% | 18.0% | -121.7 |
| NLG | -2.8% | 34.9% | -110.7 |
| VIC | 4.8% | 13.6% | -217.0 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVI | -1.7% | 56.5% | 5.2 |
| SHS | -2.3% | 8.0% | 2.3 |
| PSI | -5.3% | 15.0% | 0.6 |
| PPS | -2.1% | 24.7% | 0.5 |
| CLH | -0.3% | 2.7% | 0.4 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| CEO | 9.8% | 16.2% | -28.4 |
| NVB | -3.6% | 8.4% | -3.2 |
| DHT | 0.2% | 28.2% | -2.2 |
| THD | 1.4% | 1.6% | -2.1 |
| NBC | -1.0% | 4.4% | -0.7 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Ngân hàng | 6.8% | VCB, VPB |
| Dịch vụ tài chính | 4.1% | SSI, VCI |
| Bất động sản | 2.6% | VIC, NVL |
| Tài nguyên Cơ bản | 2.5% | HPG, HSG |
| Thực phẩm và đồ uống | 2.0% | MSN, VNM |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Ô tô và phụ tùng | -5.2% | TCH, CSM |
| Dầu khí | -4.8% | PLX, PVD |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -3.3% | GEX, LGC |
| Xây dựng và Vật Liệu | -3.3% | VGC, VCG |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -2.8% | GAS, POW |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dịch vụ tài chính | 25.3% | SSI, VND |
| Ô tô và phụ tùng | 18.3% | TCH, HHS |
| Xây dựng và Vật Liệu | 9.9% | VGC, VCG |
| Ngân hàng | 9.0% | VCB, BID |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 8.4% | GEX, TMS |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | -12.6% | HPG, HSG |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -12.3% | GAS, VSH |
| Bảo hiểm | -3.3% | BVH, MIG |
| Du lịch và Giải trí | -1.9% | HVN, VJC |
| Hóa chất | -1.1% | GVR, DGC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn) | GTGD (VNĐ tỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|------------------------------------|----------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 234,241 (10.3) | 22.5 | 81.9 | 62.9 | 14.7 | 4.3 | 5.7 | 4.1 | 3.8 | 4.8 | 3.9 | 6.8 | 2.4 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 640,227 (28.2) | 26.6 | 10.6 | 9.1 | 35.9 | 32.9 | 28.3 | 3.0 | 2.3 | -0.7 | 3.5 | 5.8 | 21.0 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 273,244 (12.0) | 17.8 | 36.4 | 21.0 | -7.6 | 6.4 | 9.9 | 2.3 | 2.1 | -1.5 | -0.3 | -0.7 | -3.2 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 60,068 | 86,712 (3,768) | 358,728 (15.8) | 31.3 | 38.3 | 22.4 | 6.7 | 18.0 | 16.3 | 4.6 | 3.8 | 1.6 | 8.3 | 7.2 | 130.2 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 152,275 (6.7) | 11.6 | 26.9 | 19.5 | 18.0 | 13.1 | 14.7 | 3.2 | 2.7 | -0.7 | 1.0 | 0.7 | 74.0 |
| DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 372,453 (16.4) | 13.9 | 16.4 | 11.5 | - | 15.3 | 17.9 | 2.4 | 2.0 | 0.4 | 7.7 | 28.3 | 106.2 | |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 102,000 | 378,305 (16,441) | 105,852 (4.7) | 6.3 | 18.7 | 15.2 | 11.7 | 20.2 | 20.6 | 3.4 | 2.8 | -2.0 | 8.1 | 11.7 | 7.3 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 43,400 | 174,556 (7,586) | 123,812 (5.5) | 12.7 | 20.3 | 15.4 | -5.3 | 13.2 | 16.0 | 2.1 | 2.0 | 0.2 | 2.4 | 15.9 | -5.1 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 1,050,658 (46.3) | 0.0 | 11.1 | 9.3 | 14.3 | 20.8 | 19.8 | 2.1 | 1.7 | -1.6 | 3.3 | 5.9 | 71.4 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 470,973 (20.8) | 1.4 | 11.7 | 9.0 | 61.1 | 17.3 | 19.7 | 1.7 | 1.5 | -2.4 | 4.6 | 14.7 | 28.1 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 496,359 (21.9) | 0.0 | 13.8 | 11.5 | 18.8 | 18.5 | 16.8 | 2.3 | 1.9 | 3.2 | 8.3 | 5.8 | 117.1 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 416,369 (18.4) | 0.0 | 9.9 | 8.2 | 14.6 | 21.5 | 21.7 | 1.8 | 1.5 | -1.9 | 7.1 | 8.4 | 79.5 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 205,416 (9.1) | 4.2 | 11.2 | 9.8 | 23.3 | 22.1 | 21.1 | 2.1 | 1.8 | -3.5 | 3.8 | 26.9 | 65.0 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 597,096 (26.3) | 14.0 | 18.7 | 14.1 | 26.5 | 10.5 | 12.1 | 1.7 | 1.5 | 0.7 | 10.6 | 20.5 | 82.5 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 27,850 | 28,732 (1,249) | 171,730 (7.6) | 0.0 | 11.4 | 9.5 | 37.5 | 22.1 | 20.5 | 2.2 | 1.8 | -3.5 | 9.2 | 11.8 | 77.2 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 23,075 (1.0) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -1.5 | 3.6 | 24.1 | 49.6 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 95,780 (4.2) | 21.0 | 26.5 | 25.2 | 15.8 | 8.6 | 8.6 | 2.2 | 2.0 | -1.4 | 1.8 | -3.3 | -5.8 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 47,251 (2.1) | 14.2 | 22.4 | 19.2 | 9.1 | 10.9 | 12.6 | 2.1 | 2.0 | -1.8 | -3.6 | -2.9 | 75.1 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 1,043,646 (46.0) | 55.4 | 27.4 | 24.5 | -3.2 | 17.3 | 17.7 | - | - | -2.7 | 10.3 | 37.9 | 144.7 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 421,859 (18.6) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | -2.5 | 6.2 | 28.2 | 170.1 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 252,092 (11.1) | 52.4 | - | - | -19.0 | - | - | - | - | 2.1 | 4.5 | 32.0 | 103.4 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 17,211 | 5,734 (249) | 633,654 (27.9) | 27.2 | 17.1 | 28.9 | 36.3 | - | - | 5.7 | 5.2 | -3.8 | 4.0 | 52.3 | 315.4 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 314,519 (13.9) | 42.1 | 18.6 | 17.3 | 4.0 | 32.8 | 34.0 | 5.7 | 5.4 | 0.9 | 2.6 | -1.5 | -18.8 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 18,622 (0.8) | 36.9 | 25.2 | 20.7 | 7.3 | 20.3 | 22.5 | 4.7 | 4.2 | -2.9 | -4.1 | 3.1 | -17.8 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100 | 111,712 (4,855) | 207,346 (9.1) | 16.5 | 46.1 | 30.3 | -51.9 | 29.4 | 21.5 | 9.4 | 6.9 | 0.0 | 6.9 | 12.8 | 77.2 |
| HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 96,046 (4.2) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | -1.2 | -8.2 | 11.5 | -43.3 | |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 114,988 (5.1) | 11.0 | - | 36.3 | -88.5 | 0.4 | 16.2 | - | - | -1.9 | 1.3 | -2.3 | 3.6 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 219,427 (9.7) | 10.8 | 29.3 | 20.0 | -57.0 | 9.1 | 12.6 | 2.5 | 2.3 | -3.0 | -0.5 | -1.9 | 51.7 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 239,024 (10.5) | 38.4 | 51.5 | 16.3 | 65.7 | 3.1 | 8.4 | 1.6 | 1.5 | -1.3 | -6.4 | 29.2 | 29.2 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 142,290 (6.3) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | -2.1 | -5.6 | 22.1 | 170.8 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 17,224 | 10,411 (452) | 679,202 (29.9) | 37.7 | - | - | -13.2 | 12.3 | 11.9 | - | - | -3.2 | -9.6 | 82.9 | 156.9 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 51,293 (2.3) | 3.6 | 37.6 | 18.3 | -52.4 | 1.8 | 3.7 | 0.7 | 0.7 | -1.6 | 2.8 | 4.2 | -4.8 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 49,472 (2.2) | 0.0 | 11.7 | 9.5 | -4.5 | 13.2 | 14.6 | 1.4 | 1.3 | 0.1 | -0.1 | - | 10.9 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm) | GTGD (VNDtỷ, USDm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|----------------------------------|--------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-----|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD | |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 190,114 (8.4) | 46.1 | 20.8 | 16.3 | -17.5 | 19.3 | 22.0 | 3.9 | 3.5 | -1.8 | -3.8 | 10.4 | - | 17.8 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 28,023 (1.2) | 31.4 | 12.5 | 8.7 | -10.5 | 11.3 | 15.2 | 1.5 | 2.0 | 0.7 | -0.2 | -3.6 | - | -8.3 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 6,912 (0.3) | 34.1 | 15.2 | 12.9 | -5.1 | 9.5 | 11.3 | - | - | -0.2 | 1.3 | -0.4 | - | -6.3 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 1,616,778 (71.3) | 18.0 | 6.6 | 6.6 | 21.9 | 42.5 | 30.0 | 2.3 | 1.7 | -0.4 | 2.2 | 12.9 | - | 59.8 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (286) | 308,153 (13.6) | 36.5 | 9.6 | 12.1 | -0.5 | 25.8 | 17.6 | 2.0 | 1.8 | 2.7 | 9.3 | 7.7 | - | 167.6 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 288,723 (12.7) | 46.5 | 20.3 | 19.6 | -4.5 | 18.2 | 16.8 | 2.9 | 2.7 | 3.1 | 6.1 | 19.8 | - | 172.1 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 422,336 (18.6) | 38.9 | 6.0 | 6.5 | 67.9 | 25.8 | 19.2 | 1.4 | 1.2 | 1.9 | 6.0 | 16.6 | - | 97.4 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 157,526 (6.9) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | -1.2 | -3.4 | 4.3 | - | 29.1 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 162,044 (7.1) | 4.6 | 20.9 | 17.5 | -51.0 | 15.6 | 17.2 | 3.1 | 3.0 | -2.1 | -4.4 | 4.0 | - | 4.0 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 264,249 (11.6) | 39.9 | 477.6 | 25.9 | -11.9 | 0.0 | 3.4 | 0.8 | 0.8 | -5.2 | -7.7 | -5.7 | - | 62.3 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 127,549 (5.6) | 35.9 | 11.2 | 9.8 | 1.2 | 14.6 | 14.9 | 1.5 | 1.3 | 0.2 | -2.7 | -3.4 | - | 70.4 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 201,880 (8.9) | 0.0 | 21.1 | 16.4 | 13.7 | 25.1 | 28.1 | 4.8 | 4.2 | -2.4 | 1.8 | 10.5 | - | 78.5 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 75,493 (3.3) | 0.0 | 24.9 | 17.2 | 2.4 | 18.4 | 23.2 | 4.1 | 3.5 | -2.5 | -0.8 | 3.3 | - | 25.3 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 11,453 (0.5) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -3.7 | -7.7 | 1.2 | - | -63.3 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 89,720 (4.0) | 30.3 | 37.4 | 25.7 | -75.2 | 10.2 | 13.7 | 3.6 | 3.2 | -2.0 | -1.4 | 21.6 | - | 81.9 |
| Chăm sóc sức khỏe | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 89,025 (3.9) | 34.6 | 25.6 | 10.4 | 41.2 | 13.4 | 30.4 | 2.9 | 2.6 | -1.1 | -4.3 | 20.0 | - | 12.2 |
| | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 3,133 (0.1) | 45.4 | 18.1 | 17.1 | 10.7 | 19.9 | 19.3 | 3.3 | 3.1 | -0.1 | -0.3 | 0.7 | - | -4.3 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | 186 (0.0) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | 0.0 | -0.7 | -3.2 | - | 4.4 |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 217,046 (9.6) | 0.0 | 21.3 | 17.7 | 15.5 | 24.2 | 25.6 | 4.7 | 4.3 | -1.1 | 3.8 | 2.1 | - | 92.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.